

Số: 21 /BC-THCSLHP

P. Lê Hồng Phong, ngày 19 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Năm: 2025

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục

Trường THCS Lê Hồng Phong.

2. Địa chỉ

Số 54 Nguyễn Cư Trinh, tổ 3, phường Lê Hồng Phong, TP. Quảng Ngãi.

- Số ĐT: 0255.828.301.

- Địa chỉ thư điện tử: c2lehongphong.thanhpho@quangngai.edu.vn

- Trang thông tin điện tử: <https://c2lehongphongtp.quangngai.edu.vn/>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục

Công lập.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

4.1. Sứ mạng

Tạo môi trường tốt nhất cho các học sinh phát triển toàn diện để trở thành những chủ nhân tương lai của đất nước

4.2. Tầm nhìn

Đến hết năm 2040 là một trong những trường chất lượng cao được phụ huynh tin cậy và học sinh lựa chọn để học tập và rèn luyện. Nơi mà giáo viên và học sinh đều khát khao học tập và cống hiến để khẳng định mình.

4.3. Mục tiêu

- Mục tiêu ngắn hạn (*đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục*): Đến hết năm 2028, Trường THCS Lê Hồng Phong duy trì đạt chuẩn Quốc gia và được biết đến là một trường THCS năng động, có tầm nhìn và quyết tâm phát triển cao.

- Mục tiêu trung hạn (*phát triển thương hiệu*): Đến hết năm 2030, Trường THCS Lê Hồng Phong tiếp tục duy trì chuẩn quốc gia, là một trong những trường được phụ huynh tin cậy và học sinh lựa chọn để học tập và rèn luyện.

- Mục tiêu dài hạn (*khẳng định thương hiệu*): Đến hết năm 2040 là một trong những trường chất lượng cao được phụ huynh tin cậy và học sinh lựa chọn để học tập và rèn luyện. Nơi mà giáo viên và học sinh đều khát khao học tập và cống hiến để khẳng định mình.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Trường PTCS Lê Hồng Phong được thành lập năm 1978, qua nhiều lần đổi tên,

sáp nhập, tách ra, nay đã là 3 trường, bao gồm Trường MN, Trường TH và Trường THCS. Trải qua 45 năm phát triển, từ chỗ cơ sở vật chất tại 3 điểm trường: Bắc Môn, Tàu Tượng, Thạch Bích xuống cấp, cơ sở Tàu Tượng là văn phòng của Ban Giám hiệu nhà trường, khi đó có ba cấp học: Cấp II học buổi sáng, cấp I học buổi chiều và mấy phòng dành cho các em mẫu giáo. Đến nay, CSVC của các nhà trường đã khang trang, sạch - đẹp, điều kiện dạy học khá đầy đủ, quy mô được mở rộng và phát triển.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

- Họ và tên: Nguyễn Phùng Xuân Thu.
- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng trường, Hiệu trưởng.
- Địa chỉ nơi làm việc: Số 54 Nguyễn Cư Trinh, tổ 3, phường Lê Hồng Phong, TP. Quảng Ngãi.
- Số điện thoại: 0988.814.079.
- Địa chỉ thư điện tử: xuanthu.gdtpquangngai@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập: Quyết định số 1229/QĐ-UB ngày 28/5/1996 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thành lập Trường THCS Lê Hồng Phong, thị xã Quảng Ngãi.

b) Quyết định:

- Công nhận hội đồng trường: Quyết định số 1876/QĐ-UBND ngày 25/4/2023 của UBND thành phố Quảng Ngãi công nhận Hội đồng Trường THCS Lê Hồng Phong nhiệm kỳ 2022-2027.

- Công nhận Chủ tịch hội đồng trường: Quyết định số 2313/QĐ-UBND ngày 22/5/2023 của UBND thành phố Quảng Ngãi công nhận Chủ tịch Hội đồng Trường THCS Lê Hồng Phong nhiệm kỳ 2022-2027.

- Danh sách thành viên hội đồng trường:

- (1) Ông Nguyễn Phùng Xuân Thu, Bí thư Chi bộ, Hiệu trưởng, Đại diện cấp ủy.
- (2) Bà Hồ Thị Xuân Hường, giáo viên, Đại diện giáo viên.
- (3) Bà Nguyễn Thị Bền, Phó Hiệu trưởng, Đại diện Ban giám hiệu.
- (4) Ông Trần Minh Sơn, Giáo viên, Chủ tịch Công đoàn, Đại diện Công đoàn.
- (5) Bà Nguyễn Thị Thanh An, Tổ trưởng Tổ KHTN, Đại diện Tổ chuyên môn.
- (6) Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền, Tổ trưởng Tổ KHXXH, Đại diện Tổ chuyên môn.
- (7) Bà Nguyễn Thị Bích Phượng, Bí thư Chi đoàn, Đại diện BCH Chi đoàn.
- (8) Bà Nguyễn Thị Đào, giáo viên, Đại diện giáo viên.
- (9) Bà Lê Bá Thùy Trang, giáo viên, Đại diện giáo viên.
- (10) Bà Huỳnh Khánh Vinh, Chi ủy viên, Đại diện cấp ủy.
- (11) Bà Lê Thị Hoàng Lê, Giáo viên TPT Đội, Đại diện Đội TNTP.
- (12) Bà Võ Thị Việt Hà, Kế toán, Đại diện Tổ Văn phòng.

(13) Chủ tịch UBND phường, Đại diện chính quyền địa phương.

(14) Trưởng ban Đại diện Cha mẹ học sinh, Đại diện cha mẹ học sinh.

(15) Học sinh, Liên đội Trường, Đại diện học sinh.

c) Quyết định:

- Điều động, bổ nhiệm hiệu trưởng: Quyết định số 3002/QĐ-UBND ngày 21/6/2022 của UBND thành phố Quảng Ngãi về việc điều động công tác và bổ nhiệm giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường THCS Lê Hồng Phong đối với ông Nguyễn Phùng Xuân Thu.

- Quyết định bổ nhiệm phó hiệu trưởng: Quyết định số 5622/QĐ-UBND ngày 09/12/2024 của UBND thành phố Quảng Ngãi về việc bổ nhiệm lại giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường THCS Lê Hồng Phong đối với bà Nguyễn Thị Bền.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục

(có văn bản kèm theo).

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục:

(1) Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

(2) Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong tổ chức các hoạt động giáo dục.

(3) Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

(4) Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

(5) Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội.

(6) Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.

(7) Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

(8) Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

(9) Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

(10) Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

(11) Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

(12) Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

- Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục:

(có bản chụp kèm theo).

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

(có các văn bản kèm theo).

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo

1.1. Công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành

a) Hiệu trưởng: 01.

b) Phó hiệu trưởng: 01.

1.2. Công việc thực thi, thừa hành mang tính chuyên môn, nghiệp vụ của viên chức

a) Công việc hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp: Giáo viên: 25.

b) Công việc hỗ trợ, phục vụ:

- Thư viện viên: 01 (*thiếu*).

- Y tế: 01.

- Thiết bị, thí nghiệm: 01 (*kiêm nhiệm*).

- Công nghệ thông tin: 01 (*kiêm nhiệm*).

- Văn thư: 01 (*thiếu*).

- Kế toán: 01.

- Thủ quỹ: 01 (*kiêm nhiệm*).

- Bảo vệ: 01.

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định: 29/29 (100%).

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định: 29/29 (100%).

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

1.1. Diện tích khu đất xây dựng trường: 9.940,2m².

1.2. Điểm trường: 01.

1.3. Diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh: 18m²/học sinh.

1.4. Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định: Đạt (180%).

2. Số lượng, hạng mục

- Khối phòng hành chính quản trị: 04 phòng.

- Khối phòng học tập: 13 phòng.
- Khối phòng hỗ trợ học tập: 03 phòng.
- Khối phụ trợ: 01 phòng.
- Khu sân chơi, thể dục thể thao: 02 khu vực.
- Khối phục vụ sinh hoạt: Đạt.
- Hạ tầng kỹ thuật: Đạt.
- Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định: Thiếu 02 phòng học và 03 phòng thiết bị, bộ môn hỗ trợ học tập.

3. Số thiết bị dạy học hiện có

(có danh mục kèm theo).

Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định: Thiếu 02 TV tại các phòng học.

4. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Theo các QĐ của Bộ GD&ĐT và các QĐ của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

(có các QĐ kèm theo).

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục

Đạt.

2. Kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá

Thực hiện thường xuyên theo yêu cầu quy định.

3. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian

Trường THCS Lê Hồng Phong được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia năm 2021 theo các QĐ của Sở GD&ĐT Quảng Ngãi.

(có các QĐ kèm theo).

4. Kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm

Thực hiện thường xuyên.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước

- Kết quả tuyển sinh: Đạt 90,9% so với chỉ tiêu được giao.
- Tổng số học sinh theo từng khối: 527 (258 nữ); trong đó:
 - + Khối 6: 4 lớp: 164 HS (83 nữ).
 - + Khối 7: 4 lớp: 151 HS (74 nữ).
 - + Khối 8: 4 lớp: 134 HS (63 nữ).

- + Khối 9: 2 lớp: 78 HS (38 nữ).
- Số học sinh bình quân/lớp theo từng khối:
 - + Khối 6: 41 HS/lớp.
 - + Khối 7: 37,8 HS/lớp.
 - + Khối 8: 4 lớp: 33,5 HS/lớp.
 - + Khối 9: 2 lớp: 39 HS/lớp.
- Số lượng học sinh học 02 buổi/ngày: Không.
- Số lượng học sinh nam/học sinh nữ: 527/259.
- Học sinh là người dân tộc thiểu số: Không.
- Học sinh khuyết tật: 04 học sinh.
- Số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường: 18 học sinh.
- Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp; số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình: *(có danh sách kèm theo)*.
- Học sinh được cấp bằng tốt nghiệp: 77 học sinh.
- Số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở: 12 học sinh.

2. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng học sinh đang học

Không.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau.

* Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí *(ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác)* và loại hoạt động *(giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác)*

Nguồn kinh phí ngân sách Nhà nước cấp:

- Nguồn kinh phí tự chủ: 5.772.124.480 đồng.
- Nguồn kinh phí không tự chủ: 74.824.000 đồng.
- Nguồn kinh phí khen thưởng cuối năm: 163.875.000 đồng.
- Thu học phí năm 2024: 470.320.000 đồng.

* Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập *(lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...)*; chi cơ sở vật chất và dịch vụ *(chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mượn các dịch vụ phục vụ*

trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...); chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác.

- Chi lương và các khoản theo lương: 4.994.510.043 đồng.
- Chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi hoạt động): 741.794.437 đồng.
- Tiết kiệm 5% gửi lại NSNN: 35.820.000 đồng.
- Chi từ nguồn không tự chủ: 71.633.325 đồng (còn lại: 3.190.675 đồng, hủy).
- Chi nguồn khen thưởng cuối năm: 163.874.939 đồng (còn lại 61 đồng hủy).
- Chi nguồn học phí: 294.177.200 đồng.

* Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học: 9.150.000 đồng.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Thực hiện đầy đủ những nhiệm vụ và phong trào do các cấp yêu cầu đảm bảo số lượng, chất lượng và hiệu quả cao.

Trên đây là báo cáo thường niên năm học 2024-2025 của Trường THCS Lê Hồng Phong theo quy định tại Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ GD&ĐT Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT;
- Website Trường;
- BGH;
- Các Tổ CM;
- Dán TB;
- Lưu: VT.

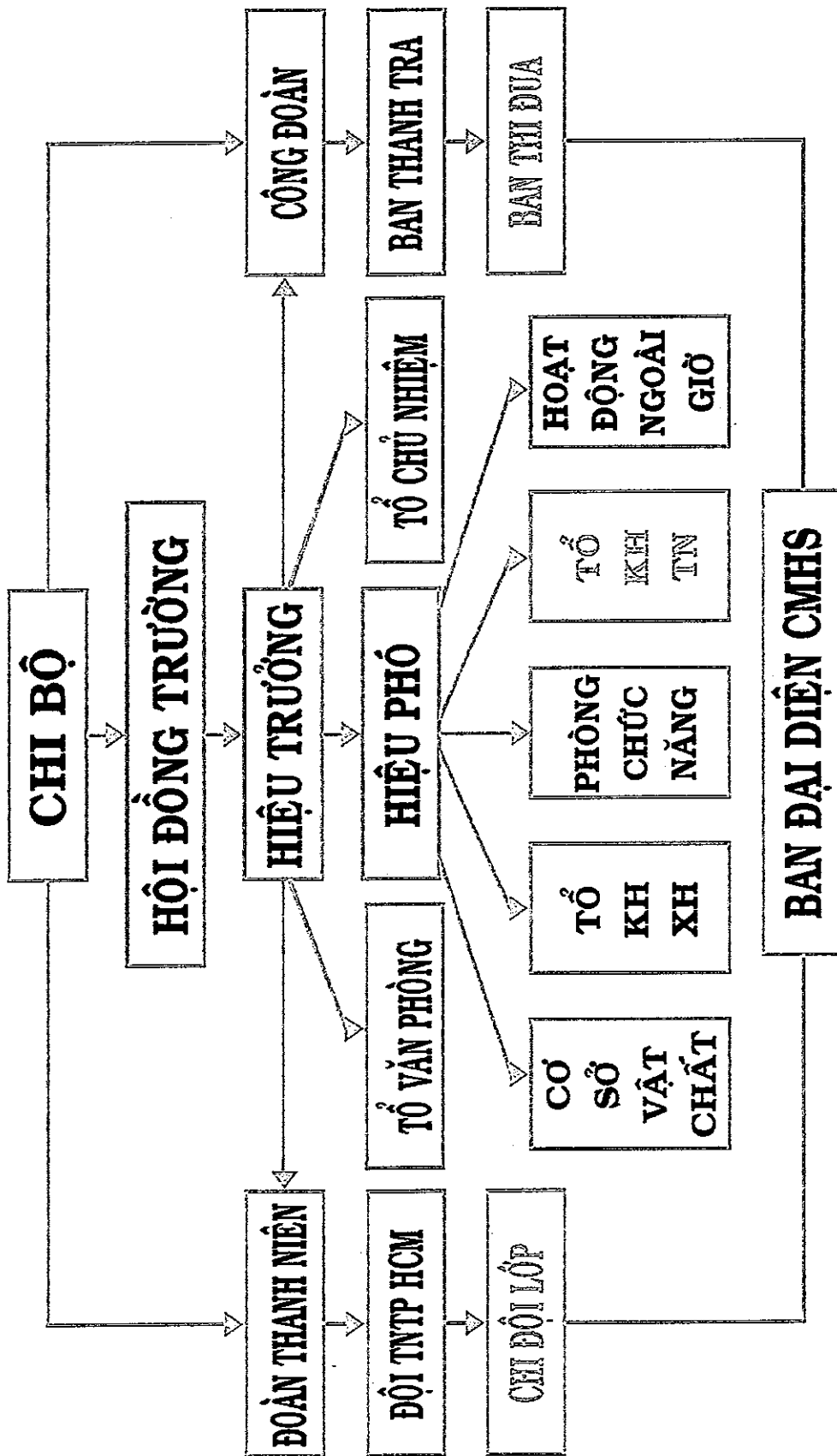
HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Phùng Xuân Thu

UBND THÃNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TRƯỜNG THCS LÊ HỒNG PHONG
XXXXXXXXXXXX

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC NHÀ TRƯỜNG



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tổng số HS (*)	Học tập						Rèn luyện						Khen thưởng cuối năm			
	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
527	101	19,2	185	35,1	219	41,6	22	4,17	420	79,7	86	16,3	20	3,8	1	0,19
															15	2,85
															86	16,32

P. Lê Hồng Phong, ngày 19 tháng 6 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Phùng Xuân Thu

TRƯỜNG THCS LÊ HỒNG PHONG

DANH SÁCH HỌC SINH Ở LẠI LỚP NĂM HỌC 2024 - 2025

STT	Họ và tên	Lớp	Kết quả		Ghi chú
			Học tập	Rèn luyện	
1	Trương Quang Hoàng	6A	Chưa đạt	Chưa đạt	

P. Lê Hồng Phong, ngày 19/6/2025
HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Phùng Xuân Thu

